

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 23-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Nguyễn Thành Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Nguyên vào ngày 10/10/2015 (dương lịch), bà có mở dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, bà B tham gia 01 phần. Bà có lập danh sách hụi viên ghi tên bà B là “Sáu Rời” là tên thường gọi của bà B, tại vị trí số thứ 6 trong

danh sách hội. Khi tham gia bà B góp được 01 tháng thì lĩnh hội, được số tiền là 15.490.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho bà là 500.000 đồng, còn lại 14.990.000 đồng bà đã giao đủ cho bà B theo “Biên bản ghi ngày 14/11/2015”. Sau đó, bà B góp lại được 07 lần thì ngưng và xin trả góp nhiều lần, đến ngày 10/10/2017 thì hội kết thúc. Tính đến tháng 9/2018, bà B còn nợ tiền hội chưa góp là 9.000.000 đồng, bà đến đòi nhiều lần thì tháng 10/2018 bà B trả thêm 1.000.000 đồng, bà có ghi chú vào “Tờ cam kết” và kể từ đó cho đến nay bà B không trả thêm khoản tiền nào cho bà. Nay bà yêu cầu bà B trả cho bà số tiền hội còn nợ 8.000.000 đồng; bà xin rút yêu cầu tính tiền lãi vì thấy hoàn cảnh bà B khó khăn. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã khai:

Bà thừa nhận ngày 10/10/2015 (dương lịch) bà có tham gia góp 01 phần hội trong dây hội 1.000.000 đồng/tháng do bà Trần Thị Đ làm chủ hội. Sau khi tham gia bà góp được 01 lần rồi lĩnh hội được số tiền sau khi trừ tiền hoa hồng là 14.990.000 đồng, bà Đ đã giao xong. Sau đó, bà có góp lại cho bà Đ đến tháng 02/2017 thì không góp nữa do hoàn cảnh gia đình khó khăn và hai bên chốt lại bà còn nợ tiền hội bà Đ là 9.000.000 đồng. Đến năm 2018, thời gian cụ thể bà không nhớ, bà có trả thêm cho bà Đ là 1.500.000 đồng, tuy nhiên khi trả tiền không lập giấy tờ nên bà không yêu cầu xem xét. Đối với “Tờ cam kết” do bà Đ cung cấp là khi bà Đ giao tiền lĩnh hội thì bà có ký nhận, bà xác định là chữ ký của bà. Nay bà Đ khởi kiện đòi số tiền hội còn nợ 8.000.000 đồng thì bà chấp nhận trả nhưng xin không trả tiền lãi.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối

với bà B, ghi nhận bà Đ không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Bà Đ và bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp và miễn chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả tiền góp hụi còn nợ là tranh chấp về hợp đồng được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà B có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết bà Đ, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Đ và bà B là đúng qui định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ thấy rằng: Quá trình làm việc, bà B thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền hụi 8.000.000 đồng là phù hợp với tài liệu, chứng cứ và lời khai của bà Đ cung cấp. Do đó, đây là sự kiện có thật không phải chứng minh được qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xác định bà B còn nợ bà Đ số tiền góp hụi 8.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bà B có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 8.000.000 đồng là phù hợp với qui định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận bà Đ không yêu cầu bà B trả tiền lãi.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí; bà Trần Thị Đ miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Đ, bà B được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với bà Nguyễn Thị B. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, ghi nhận bà Đ không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí; bà Trần Thị Đ miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị B có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu